

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tháng 03 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Đường Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 – 58

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Đường Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 58 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Phạm Phúc Toại

Bà Phạm Thúy An

Ông Nguyễn Quốc Đạo

Ông Nguyễn Thanh Phong

Ông Đặng Hoàng Phương

Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ngọc Điền

Bà Đặng Thị Kim Nguyệt

Bà Trần Ngọc Yến

Trưởng Ban

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạo

Bà Phạm Thúy An

Bà Lê Ngọc Ánh

Ông Trần Đình Tôn

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trúc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Bộ Tài chính có hiệu lực ngày 01/08/2017 về quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



Nguyễn Quốc Đạo

Tổng Giám Đốc

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2017, chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” (MS 241) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là 69.457.169.021 đồng, trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển hạ tầng Hoàng Long là 69.435.066.226 đồng. Đây là chi phí thực hiện các công trình thi công, được thực hiện qua nhiều niên độ tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển hạ tầng Hoàng Long đã được kiểm toán với ý kiến ngoại trừ về khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” nêu trên do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thực hiện kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.146.411.892.320	1.080.085.287.723
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.582.978.879	5.224.494.878
Tiền	111		2.582.978.879	5.224.494.878
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7a	27.466.250.000	29.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.466.250.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.040.808.041.348	976.100.442.351
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	529.141.726.995	442.728.701.648
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	5.702.568.395	57.702.563.898
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10a	434.779.606.040	384.749.670.474
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	93.239.410.713	115.908.495.509
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(22.055.270.795)	(24.989.345.778)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	356.600
Hàng tồn kho	140	13	73.065.075.202	65.275.670.094
Hàng tồn kho	141		73.426.980.631	65.637.575.523
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(361.905.429)	(361.905.429)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.489.546.891	4.484.680.400
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	1.571.452.099	3.328.624.495
Thuế GTGT được khấu trừ	152		375.677.714	711.126.514
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22b	542.417.078	444.929.391

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		641.232.229.379	630.847.938.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		82.494.544.705	83.564.294.705
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10b	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11	2.494.544.705	3.564.294.705
Tài sản cố định	220		336.040.474.523	306.004.373.647
Tài sản cố định hữu hình	221	15	291.788.431.249	252.128.146.947
- Nguyên giá	222		368.224.944.952	321.802.484.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.436.513.703)	(69.674.337.122)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	42.064.097.210	51.632.418.188
- Nguyên giá	225		53.235.136.354	61.933.181.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.171.039.144)	(10.300.763.636)
Tài sản cố định vô hình	227	17	2.187.946.064	2.243.808.512
- Nguyên giá	228		2.793.122.628	2.793.122.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(605.176.564)	(549.314.116)
Bất động sản đầu tư	230	18	398.170.721	748.322.933
- Nguyên giá	231		3.501.522.110	3.501.522.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.103.351.389)	(2.753.199.177)
Tài sản dở dang dài hạn	240	19	70.294.478.933	70.318.553.981
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		69.457.169.021	69.413.060.520
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		837.309.912	905.493.461
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7b	131.630.685.955	132.107.364.128
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		131.630.685.955	132.107.364.128
Tài sản dài hạn khác	260		20.373.874.542	38.105.029.537
Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	6.568.253.889	6.462.968.533
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.805.620.653	31.642.061.004
TỔNG TÀI SẢN	270		1.787.644.121.699	1.710.933.226.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.154.219.428.914	1.203.558.810.955
Nợ ngắn hạn	310		713.311.982.455	653.251.320.966
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	252.572.880.040	185.725.811.356
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	48.701.848.191	20.319.637.471
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	22a	2.892.188.645	4.997.962.221
Phải trả người lao động	314		5.767.921.716	5.470.396.191
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23a	1.600.622.674	1.878.712.408
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		170.000.000	170.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	24a	46.868.254.265	85.874.901.549
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25a	339.105.175.024	332.727.867.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.633.091.900	16.086.032.639
Nợ dài hạn	330		440.907.446.459	550.307.489.989
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	21	7.851.274.545	7.851.274.545
Chi phí phải trả dài hạn	333	23b	17.231.895.670	17.231.895.670
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.146.717.280	2.219.444.553
Phải trả dài hạn khác	337	24b	841.329.414	1.275.291.984
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25b	412.836.229.550	521.729.583.237
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		633.424.692.785	507.374.415.699
Vốn chủ sở hữu	410	26	633.424.692.785	507.374.415.699
Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
Cổ phiếu quỹ	415		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.479.743.076	36.479.743.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		160.691.099.709	34.640.822.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		34.635.027.336	(105.533.608.893)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		126.056.072.373	140.174.431.516
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.787.644.121.699	1.710.933.226.654

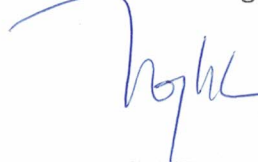
Long An, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.430.528.261.124	3.056.437.425.077
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	5.942.904.381	8.256.847.407
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.424.585.356.743	3.048.180.577.670
Giá vốn hàng bán	11	29	3.237.007.764.678	2.803.045.889.586
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.577.592.065	245.134.688.084
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	54.485.072.829	70.242.951.693
Chi phí tài chính	22	31	65.043.910.689	110.043.681.938
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.002.620.794	101.728.768.466
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(476.678.173)	(12.508.305)
Chi phí bán hàng	25	32	7.644.273.930	13.780.055.458
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	18.984.237.803	25.782.500.939
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		149.913.564.299	165.758.893.137
Thu nhập khác	31	34	582.790.683	3.213.777.558
Chi phí khác	32	35	3.352.924.741	1.219.669.079
Lợi nhuận khác	40		(2.770.134.058)	1.994.108.479
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.143.430.241	167.753.001.616
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	3.251.003.048	3.331.221.718
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		17.836.354.819	23.438.966.549
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		126.056.072.373	140.982.813.349
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		126.056.072.373	140.982.813.349
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	2.850	3.188
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	2.850	3.188

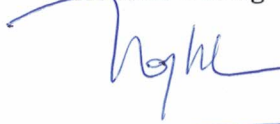
Long An, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		147.143.430.241	167.753.001.616
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24.753.297.604	24.891.564.941
Các khoản dự phòng	03		(2.934.074.983)	308.898.066
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(683.019.432)	6.344.088.590
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(49.504.034.928)	(69.219.530.905)
Chi phí lãi vay	06		63.029.200.719	101.728.768.466
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		181.804.799.221	231.806.790.774
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(447.714.548.755)	278.177.194.188
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.380.222.495)	3.510.984.323
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		30.139.205.025	(94.686.708.415)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.651.887.040	899.282.647
Tiền lãi vay đã trả	14		(76.848.452.500)	(158.607.026.245)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.657.653.266)	(5.476.881.642)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh	16		-	48.136.213
Tiền chi khác từ hoạt động kinh	17		(39.990.739)	(1.022.748.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(321.044.976.469)	254.649.023.791
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61.310.497.081)	(11.830.689.046)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(426.693.619.599)	(367.383.061.109)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		332.060.085.841	212.528.431.147
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		85.338.096.214	40.131.541.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.605.934.625)	(98.803.777.384)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		942.422.174.000	931.485.880.087
Tiền trả nợ gốc vay	34		(538.888.331.289)	(1.081.311.834.589)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(14.521.615.173)	(7.676.703.236)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		389.009.527.538	(157.502.657.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.641.383.556)	(1.657.411.331)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	5.224.494.878	6.874.424.479
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(132.443)	7.481.730
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	2.582.978.879	5.224.494.878

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Hydro

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 1100414052 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ mười ba (13) vào ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.

Ngày 09/09/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) với mã cổ phiếu HLG.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác đất; Khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng: Nhà ở, công trình giao thông, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình thủy lợi;
- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Bán buôn thực phẩm, nông/lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh phân bón các loại.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Vận tải & Khai thác Khoáng sản Hoàng Long theo các văn bản sau: Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông ngày 14/04/2017, Nghị quyết số 02/NQ.CTY/2017 về việc thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty và Điều lệ Công ty nhận sáp nhập ngày 14/04/2017, Quyết định số 06A/QĐ-HLG ngày 26/07/2017 về việc sáp nhập Công ty và Hợp đồng sáp nhập Công ty ngày 31/08/2017.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1.6 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO

Công ty con: là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

1. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương mại Hoàng Long
Trụ sở chính : Số 68, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An
Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.
2. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long
Trụ sở chính : Số 68, Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An
Vốn điều lệ : 160.566.279.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.
3. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long
Trụ sở chính : Số 149 Nguyễn Văn Cừ, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 70.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.
4. Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong
Trụ sở chính : Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp
Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100 %.

Công ty liên doanh, liên kết: là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, Công ty không quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo Luật doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy
Trụ sở chính : A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 79.626.480.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 30 %.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-09
Tài sản cố định khác	03
Quyền sử dụng đất	50

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Quyền sử dụng đất	Không thời hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được xác định căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

5.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa tập hợp được đầy đủ chứng từ và thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

5.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Giá vốn của Cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và mức phân phối lợi nhuận không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)****Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chỉ phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư.

5.15 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

5.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

5.18 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

5.19 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán mì lát và khô dầu đậu tương của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long thuộc đối tượng không tính thuế; doanh thu chế biến thức ăn thủy sản của Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong và lãi cho vay của tất cả các đơn vị trong tập đoàn thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển của Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long, kinh doanh hạ tầng của Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Hoàng Long và các doanh thu còn lại thuộc tất cả các đơn vị trong Công ty chịu thuế suất 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.19 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)***Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tất cả các đơn vị trong Công ty ngoại trừ Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Riêng Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, đồng thời trong kỳ kế toán Công ty được ưu đãi 50% số thuế phải nộp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000153 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08 tháng 08 năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.20 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

5.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**5.22 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	269.426.736	725.897.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.313.552.143	4.498.597.499
Cộng	2.582.978.879	5.224.494.878

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trục, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.466.250.000	27.466.250.000	29.000.000.000	29.000.000.000
a1. Ngắn hạn	27.466.250.000	27.466.250.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.466.250.000	27.466.250.000	29.000.000.000	29.000.000.000
a2. Dài hạn	-	-	-	-
(*) Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2017 như sau:				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp theo hợp đồng số 191-2016/HDTG-PGB ngày 30/11/2016 với số tiền 25.550.000.000 đồng và khoản lãi nhập gốc với số tiền 1.916.250.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm.				
	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	133.125.000.000	131.630.685.955	133.125.000.000	132.107.364.128
Đầu tư vào công ty liên kết	133.125.000.000	131.630.685.955	133.125.000.000	132.107.364.128
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch vụ Thanh Thy	133.125.000.000	131.630.685.955	133.125.000.000	132.107.364.128
Khoản đầu tư vào công ty liên kết với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 30%.				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	529.141.726.995	442.728.701.648
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	230.031.973.919	126.511.907.937
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	69.396.113.582	11.981.382.907
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	62.677.375.282	155.564.216.510
Công ty TNHH Phát Thịnh Đồng Tháp	26.357.610.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	18.097.366.953	21.892.723.715
Công ty TNHH Hoàn Cầu Đồng Tháp	15.560.458.000	22.167.932.700
Ông Ngô Thành Tâm	11.345.718.518	1.842.592.000
Ông Trần Quang Khải	11.043.484.672	-
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Công ty Cổ phần Indeco	4.022.418.313	4.022.418.313
Công ty Cổ Phần Bao bì Gia Phát	1.320.454.370	8.317.009.108
Các khoản phải thu khách hàng khác	70.432.028.386	81.571.793.458
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	389.059.554.736	324.806.956.069
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	69.396.113.582	11.981.382.907
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	230.031.973.919	126.511.907.937
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	62.677.375.282	155.564.216.510
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	18.097.366.953	21.892.723.715
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trả trước người bán ngắn hạn	5.702.568.395	(368.272.994)	57.702.563.898	(368.272.994)
- Ông Trần Thanh Tâm	2.000.000.000			
- Công ty TNHH Wilmar Argo Việt Nam - Chi nhánh Thốt Nốt	1.338.924.200			
- Công ty TNHH Quốc Tế VHD	1.072.872.000			
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	-	23.457.279.163	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	-	15.919.346.581	-
- Công ty TNHH Bách khoa Á Châu	-	-	5.722.050.000	-
- Myuang Holdings Co., LTD	-	-	5.047.425.000	-
- Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	-	-	2.245.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.290.772.195	(368.272.994)	5.311.463.154	(368.272.994)
Trả trước người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước người bán là các bên liên quan	-	-	39.376.625.744	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	-	23.457.279.163	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	-	15.919.346.581	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	434.779.606.040	384.749.670.474
<i>Phải thu ngắn hạn tiền cho mượn</i>	<i>5.145.005.983</i>	<i>37.355.070.417</i>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	-	34.968.365.869
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	3.538.255.179	-
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Tấn Điền	-	779.953.744
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	914.750.804	914.750.804
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy (1)	542.000.000	542.000.000
- Mai Tiến Dũng (1)	150.000.000	150.000.000
<i>Phải thu ngắn hạn tiền cho vay</i>	<i>429.634.600.057</i>	<i>347.394.600.057</i>
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long (2)	429.634.600.057	347.394.600.057
b. Dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long - cho vay (3)	80.000.000.000	80.000.000.000
c. Phải thu về cho vay là các bên liên quan	513.172.855.236	427.394.600.057
- Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	3.538.255.179	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	509.634.600.057	427.394.600.057

(1) Các khoản tiền cho mượn này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.

(2) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/01/2017, lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2017 là 8%/năm.

(3) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay dài hạn tại ngày 31/12/2017 là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2017, lãi suất cho vay tại thời điểm 31/12/2017 là 8%/năm, thời hạn vay đến 31/12/2020.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn khác	93.239.410.713	(2.011.197.352)	115.908.495.509	(1.742.611.598)
- Phải thu Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	60.186.683.227	-	91.289.944.373	-
+ Tiền lãi cho vay	60.186.683.227	-	42.183.174.274	-
+ Lợi nhuận	-	-	17.716.678.851	-
+ Thanh toán hộ tiền hàng	-	-	27.022.061.800	-
- Phải thu tiền lãi cho các cá nhân vay	40.255.555	-	10.134.199.027	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	15.996.136.000	-	6.304.018.668	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Tạm ứng	187.247.152	-	1.037.468.159	-
- Ký quỹ, ký cược	3.075.733.582	(315.469.000)	3.132.588.651	(315.469.000)
- Phải thu khác	7.483.657.808	-	265.337.316	-
Phải thu dài hạn khác	6.269.697.389	(1.695.728.352)	3.744.939.315	(1.427.142.598)
Ký cược, ký quỹ	2.494.544.705	-	3.564.294.705	-
Phải thu khác là các bên liên quan	2.494.544.705	-	3.564.294.705	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	76.370.066.379	-	93.225.933.593	-
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	60.186.683.227	-	86.921.914.925	-
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy Sản Hoàng Long	15.996.136.000	-	6.304.018.668	-
	187.247.152	-	-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2017				Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	39.593.723.201	(22.055.270.795)	17.538.452.406	35.572.757.704	(24.989.345.778)	10.583.411.926
- Ông Nguyễn Tấn Trung	-	-	-	1.712.786.117	(1.712.786.117)	-
- Công ty CP Thực Phẩm An Long	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-
- Ông Nguyễn Nhựt Linh	-	-	-	1.504.029.470	(1.504.029.470)	-
- Bà Mai Thị Thu	-	-	-	1.506.841.560	(1.506.841.560)	-
- Ông Trần Quý Lương	-	-	-	728.550.000	(728.550.000)	-
- Ông Đặng Hoàng Phương	-	-	-	662.904.000	(662.904.000)	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tấn Điền	-	-	-	779.953.744	(779.953.744)	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Quốc tế	-	-	-	4.322.418.313	(3.161.209.156)	1.161.209.157
- Ông Trần Quang Khải	10.529.905.012	(543.346.504)	9.986.558.508	-	-	-
- Ông Trần Minh Tuấn	1.706.264.000	(853.132.000)	853.132.000	1.706.264.000	(81.132.000)	1.625.132.000
- Ông Ngô Văn Thiện	4.584.860.849	(2.292.430.425)	2.292.430.425	4.840.529.494	(371.009.535)	4.469.519.959
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Thịnh Phát	3.343.811.250	(1.671.905.625)	1.671.905.625	3.382.017.073	(1.003.143.375)	2.378.873.698
- Các khoản khác	17.828.882.090	(15.094.456.242)	2.734.425.848	12.826.463.933	(11.877.786.821)	948.677.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	17.792.208.534	-	17.274.045.583	-
- Công cụ, dụng cụ	3.802.347.757	-	2.841.963.622	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.828.954.416	-	382.810.224	-
- Thành phẩm	16.968.885.983	-	15.934.418.680	-
- Thành phẩm bất động sản	27.208.829.741	-	26.980.611.014	-
- Hàng hóa	4.825.754.200	(361.905.429)	2.223.726.400	(361.905.429)
Cộng	73.426.980.631	(361.905.429)	65.637.575.523	(361.905.429)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.571.452.099	3.328.624.495		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	231.449.995	597.514.004		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	949.318.337	1.970.182.590		
- Chi phí bảo hiểm	372.142.390	760.927.901		
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.541.377	-		
b. Dài hạn	6.568.253.889	6.462.968.533		
- Tiền thuê đất tại NM nước ngoài và Cụm công nghiệp Long Cang	3.091.271.021	3.171.113.189		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	234.228.617	530.341.138		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.242.754.251	2.761.514.206		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2017	142.921.857.686	144.707.284.052	32.415.934.378	1.348.807.953	408.600.000	321.802.484.069
- Phân loại lại tài sản đầu kỳ	-	2.917.847.474	(2.605.297.494)	(312.549.980)	-	-
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	53.240.670.797	-	-	-	53.240.670.797
- Mua trong kỳ	1.106.756.000	2.580.796.105	2.975.354.728	160.103.000	-	6.823.009.833
- Thanh lý, nhượng bán	-	(45.705.471)	(13.404.323.581)	(191.190.695)	-	(13.641.219.747)
Tại 31/12/2017	144.028.613.686	203.400.892.957	19.381.668.031	1.005.170.278	408.600.000	368.224.944.952

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2017	(11.216.735.946)	(37.433.584.449)	(19.698.072.604)	(917.344.123)	(408.600.000)	(69.674.337.122)
- Phân loại lại hao mòn lũy kế đầu kỳ	(9)	(894.491.815)	738.216.833	156.274.991	-	-
- Khấu hao trong năm	(3.075.082.109)	(12.599.836.535)	(1.881.619.687)	(42.516.140)	-	(17.599.054.471)
- Thanh lý, nhượng bán	-	14.841.995	10.630.845.200	191.190.695	-	10.836.877.890
Tại 31/12/2017	(14.291.818.064)	(50.913.070.804)	(10.210.630.258)	(612.394.577)	(408.600.000)	(76.436.513.703)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2017	131.705.121.740	107.273.699.603	12.717.861.774	431.463.830	-	252.128.146.947
Tại 31/12/2017	129.736.795.622	152.487.822.153	9.171.037.773	392.775.701	-	291.788.431.249

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 277.796. 867.733 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.525.920.758 đồng.

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	61.933.181.824	61.933.181.824
- Thanh lý trong năm	(8.698.045.470)	(8.698.045.470)
Tại 31/12/2017	<u>53.235.136.354</u>	<u>53.235.136.354</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	(10.300.763.636)	(10.300.763.636)
- Hao mòn trong năm	(6.748.228.473)	(6.748.228.473)
- Thanh lý trong năm	(5.877.952.965)	(5.877.952.965)
Tại 31/12/2017	<u>(11.171.039.144)</u>	<u>(11.171.039.144)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	<u>51.632.418.188</u>	<u>51.632.418.188</u>
Tại 31/12/2017	<u>42.064.097.210</u>	<u>42.064.097.210</u>

17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	2.793.122.628	2.793.122.628
Tại 31/12/2017	<u>2.793.122.628</u>	<u>2.793.122.628</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	(549.314.116)	(549.314.116)
- Khấu hao trong năm	(55.862.448)	(55.862.448)
Tại 31/12/2017	<u>(605.176.564)</u>	<u>(605.176.564)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	<u>2.243.808.512</u>	<u>2.243.808.512</u>
Tại 31/12/2017	<u>2.187.946.064</u>	<u>2.187.946.064</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 786, tờ bản đồ số 5 xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Giá trị quyền sử dụng đất này đã được sử dụng để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	3.501.522.110	3.501.522.110
Tại 31/12/2017	3.501.522.110	3.501.522.110
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	(2.753.199.177)	(2.753.199.177)
Khấu hao trong năm	(350.152.212)	(350.152.212)
Tại 31/12/2017	(3.103.351.389)	(3.103.351.389)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	748.322.933	748.322.933
Tại 31/12/2017	398.170.721	398.170.721

Bất động sản đầu tư là nhà kho cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

- Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh
- Khu tái định cư, khu biệt thự nhà vườn An Thạnh (*)
- Công trình Công ty Thanh Mỹ
- Công trình Khu dân cư Long Kim 2 - giai đoạn 2
- Hệ thống đường ống Nhà máy xử lý nước thải Long Cang
- Cụm công nghiệp Hoàng Long- Long Cang
- Chi phí sản xuất kinh doanh khác

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
	75.720.928.747	69.457.169.021	75.676.820.246	69.413.060.520
	41.886.273.546	41.886.273.546	41.871.460.559	41.871.460.559
	19.589.713.874	13.325.954.148	19.858.029.188	13.594.269.462
	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062	8.023.346.062
	3.543.359.422	3.543.359.422	3.532.581.422	3.532.581.422
	1.657.480.085	1.657.480.085	1.369.426.280	1.369.426.280
	175.839.481	175.839.481	175.839.481	175.839.481
	844.916.277	844.916.277	846.137.254	846.137.254

(*) Chi phí xây dựng khu tái định cư biệt thự nhà vườn An Thạnh tại ngày 31/12/2017 như sau: Giá gốc là 19.589.713.874 đồng, giá trị dự phòng là 6.263.759.726 đồng và giá trị thuần là 13.325.954.148 đồng.

- b.
- Xây dựng cơ bản dở dang
 - Xây dựng cơ bản dở dang
 - Xây dựng đường ống cấp nước
 - Mua sắm tài sản cố định
 - Hệ thống dây chuyền thiết bị chế biến thức ăn cá hoàn chỉnh và đồng bộ
 - Sửa chữa lớn tài sản cố định
 - Sửa chữa đường ống cấp nước

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
	837.309.912	905.493.461		
	601.960.569	541.404.848		
	601.960.569	541.404.848		
	-	147.239.270		
	-	147.239.270		
	235.349.343	216.849.343		
	235.349.343	216.849.343		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	252.572.880.040	252.572.880.040	185.725.811.356	185.725.811.356
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thạnh Đông	16.339.356.450	16.339.356.450	10.331.690.100	10.331.690.100
- Bà Hồ Thị Kim Thoa	414.476.477	414.476.477	15.785.169.996	15.785.169.996
- Ông Đinh Văn Cấn	-	-	26.316.479.400	26.316.479.400
- Ông Nguyễn Hoàng Vũ	8.000.000.000	8.000.000.000	15.735.289.341	15.735.289.341
- Công ty TNHH Hữu Sáng	12.558.169.220	12.558.169.220	16.535.178.099	16.535.178.099
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	65.275.969.424	65.275.969.424	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	324.093.500	324.093.500	-	-
- Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	4.193.152.593	4.193.152.593	3.857.848.703	3.857.848.703
- Chia Tung Development Corp., Ltd	7.445.953.764	7.445.953.764	7.459.051.308	7.459.051.308
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	4.135.451.640	4.135.451.640	1.494.913.140	1.494.913.140
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	33.674.652.960	33.674.652.960	13.057.975.930	13.057.975.930
- Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Long Hoa	6.000.000.000	6.000.000.000	6.193.988.000	6.193.988.000
- Myuang Holdings Co., LTD	25.593.750.000	25.593.750.000	-	-
- Ngô Thành Tâm	11.715.493.764	11.715.493.764	-	-
- Các đối tượng khác	56.902.360.248	56.902.360.248	68.958.227.339	68.958.227.339
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	3.857.848.703	3.857.848.703
Phải trả người bán là các bên liên quan	69.793.215.517	69.793.215.517	-	-
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	65.275.969.424	65.275.969.424	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	324.093.500	324.093.500	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh	4.193.152.593	4.193.152.593	3.857.848.703	3.857.848.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	48.701.848.191	20.319.637.471
- Ban QLDA Công trình Ngành Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp & PTNT Tỉnh Đồng Tháp	3.306.069.000	3.306.069.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	5.062.400.015
- Ông Trần Văn Hường	7.544.997.192	-
- Ông Nguyễn Văn Liêm	5.009.397.413	5.146.271.442
- Đoàn Văn Nê	3.848.571.675	-
- Võ Hồng Khanh	2.520.379.519	-
- Ông Nguyễn Chí Hân	-	2.011.226.800
- Các đối tượng khác	26.472.433.392	4.793.670.214
Dài hạn	7.851.274.545	7.851.274.545
- Ông Vũ Văn An	612.400.000	612.400.000
- Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.354.800.000	1.354.800.000
- Các đối tượng khác	5.884.074.545	5.884.074.545
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	5.062.400.015
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	5.062.400.015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT đầu ra
- Thuế TNDN
- Thuế TNCN
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế GTGT đầu ra
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
	1.863.211.511	6.142.049.461	7.932.417.002	72.843.970
	1.492.432.943	3.251.003.048	2.657.653.266	2.085.782.725
	711.870.328	953.583.853	1.527.619.710	137.834.471
	33.498.957	434.445.787	438.404.377	29.540.367
	-	58.719.199	58.719.199	-
	896.948.482	108.558.129	439.319.499	566.187.112
	4.997.962.221	10.948.359.477	13.475.452.552	2.892.188.645
	133.708.161		98.602.019	232.310.180
	310.101.859	-	-	310.101.859
	1.119.371	1.119.371	5.039	5.039
	444.929.391	1.119.371	98.607.058	542.417.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.600.622.674	1.878.712.408
- Chi phí lãi vay	347.440.856	586.894.226
- Trích trước chi phí san lấp Khu công nghiệp Long Cang	1.183.181.818	1.181.818.182
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	110.000.000
b. Dài hạn	17.231.895.670	17.231.895.670
- Trích trước chi phí Dự án Long Kim 2 (*)	17.231.895.670	17.231.895.670

(*) Khu dân cư Long Kim 2 do Công ty Cổ phần Hoàng Long – Long An (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long) làm chủ đầu tư. Theo quy hoạch, khu dân cư có tổng diện tích đất 240.452 m², thuộc địa bàn thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chủ đầu tư dự án đã được giao đất theo quyết định số 4586/QĐ-UB ngày 15/11/2004 và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Long An. Theo đó, dự án đáp ứng các chỉ tiêu của đô thị loại 4, với quy mô dân số 4.500 người.

Được khởi công xây dựng từ năm 2007, đến nay tại Long Kim 2 cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án đã hoàn thành cơ bản, chủ đầu tư đã mở bán các nền nhà cho khách hàng có nhu cầu.

Tuy nhiên, còn một số hạng mục chưa được xây dựng hoặc mới hoàn thành các khu vực đã phủ dân cư. Để đảm bảo tính đủ doanh thu tương ứng giá vốn đã bán, Công ty trích thêm chi phí phải thực hiện cho các hạng mục chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành trên cơ sở dự toán hạng mục đã được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	46.868.254.265	85.874.901.549
- Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	2.097.826.167	2.127.062.431
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	154.312.500
- Phải trả lãi vay	29.636.336.014	67.545.265.626
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp	29.636.336.014	57.453.322.154
+ Ngân hàng TMCP Việt Á	-	10.091.943.472
- Phải trả Công ty CP Nước giải khát Hoàng Long Mywaone - tiền chuyển nhượng cổ phần	4.120.868.585	4.120.868.585
- Phải trả Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long - mượn tiền	1.240.000.000	3.546.110.400
- Phải trả Ông Phạm Phúc Toại - mượn tiền	1.010.002.511	468.535.424
- Phải trả Bà Lê Thanh Tuyền - lợi nhuận phải trả	4.125.525.684	4.125.525.684
- Phải trả Ông Phạm Hoàng Long - mượn tiền	198.932.510	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.438.762.794	3.787.220.899
b. Dài hạn	841.329.414	1.275.291.984
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	841.329.414	1.275.291.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 01/01/2017		Trong năm		Tại 31/12/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	332.727.867.131	332.727.867.131	1.052.819.412.098	1.046.442.104.205	339.105.175.024	339.105.175.024
Vay ngắn hạn	292.534.580.331	292.534.580.331	942.422.174.000	984.387.969.331	250.568.785.000	250.568.785.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An	42.018.304.750	42.018.304.750	74.053.685.000	89.599.204.750	26.472.785.000	26.472.785.000
(1)						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp (2)	174.096.275.581	174.096.275.581	400.187.000.000	400.187.275.581	174.096.000.000	174.096.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	-	448.041.489.000	448.041.489.000	-	-
- Công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex	1.420.000.000	1.420.000.000	140.000.000	1.560.000.000	-	-
II						
- Ông Đỗ Thanh Tùng (3)	75.000.000.000	75.000.000.000	20.000.000.000	45.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	40.193.286.800	40.193.286.800	110.397.238.098	62.054.134.874	88.536.390.024	88.536.390.024
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp (4)	35.000.000.000	35.000.000.000	97.280.510.198	53.596.708.438	78.683.801.760	78.683.801.760
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Huỳnh Văn Bánh	5.193.286.800	5.193.286.800	13.116.727.900	8.457.426.436	9.852.588.264	9.852.588.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại 01/01/2017		Trong năm		Tại 31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn	521.729.583.237	521.729.583.237	47.606.875.460	156.500.229.147	412.836.229.550	412.836.229.550
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp	496.716.131.910	496.716.131.910	38.352.330.000	137.145.312.510	397.923.149.400	397.923.149.400
(4)						
- Ngân hàng TMCP Tiền Phong - Phòng giao dịch Đô Thành (5)	24.157.951.327	24.157.951.327	9.254.545.460	19.180.916.637	14.231.580.150	14.231.580.150
- Nợ thuê tài chính						
Cộng	854.457.450.368	854.457.450.368	1.210.823.525.656	1.264.996.468.226	751.941.404.574	840.477.794.598

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay ngắn hạn ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam -CN Long An theo hợp đồng tín dụng số 01/CV/0055/KHDN/17LD ngày 12/10/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 29.500.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá và kinh doanh nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản;
- Thời hạn vay: từ ngày 12/10/2017 đến ngày 09/10/2018;
- Lãi suất cho vay: được thỏa thuận trên cơ sở thông báo lãi suất cho vay tại thời điểm bên vay nhận nợ, tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được hai bên thống nhất trên giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 26.472.785.000 đồng.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công Ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 350.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, mở thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh trong nước nhưng không bao gồm các khoản bảo lãnh vay vốn tại các Tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày nhận nợ;

Lãi suất vay: 7,5%/năm;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 174.096.000.000 đồng;

Các hình thức đảm bảo tiền vay: dùng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty làm tài sản bảo đảm cho nợ vay.

- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐMV/2016-MK-ĐTT ngày 04/05/2016 giữa Ông Đỗ Thanh Tùng với Công Ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

Lãi suất vay: 15%/năm;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 50.000.000.000 đồng;

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Bao gồm các hợp đồng sau:

- (4.1) Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 149/2011/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 (Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 20/03/2015 từ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay trung hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 14.370.770 USD;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, cá tra nguyên liệu chế biến xuất khẩu phân bón;
- Thời hạn trả nợ: từ quý 1/2018 đến quý 3/2023;
- Lãi suất vay: được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 289.114.859.160 đồng; số đến hạn trả trong năm tới là 27.036.131.760 đồng.
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng 11.020.760 cổ phiếu HLG bao gồm 9.770.760 cổ phiếu của bà Lê Ngọc Ánh, 1.008.000 cổ phiếu của ông Phạm Hoàng Long và 242.000 cổ phiếu của bà Phạm Thị Thu Hiền có giá trị 88.166.080.000 đồng cho khoản vay tối đa là 52.899.000.000 đồng; Phần còn lại của hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản, hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (4.2) Hợp đồng tín dụng số 439/2013/HĐTD/TH-PN/PGBank_ĐT ngày 25/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong với các điều khoản sau:

Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Hợp đồng mua bán tài sản ký ngày 05/09/2013 giữa Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long và Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy sản Mekong;

Thời hạn vay: 3 năm, Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 12/03/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQQ-HĐQT-PGB ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thức Ăn Thủy sản Mekong ân hạn trả nợ gốc bắt đầu từ năm 2017 đến hết quý 1/2021 với số tiền là 90 tỷ đồng;

Lãi suất vay: 8,5%/năm;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 75.000.000.000 đồng, số đến hạn trả trong năm tới là 51.647.670.000 đồng;

Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sử dụng đất, nhà xưởng sản xuất nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và các công trình phụ trợ của bên thứ 3 là Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long và dây chuyền máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến thức ăn của Công ty TNHH Thức Ăn Thủy sản Mekong;

- (4.3) Hợp đồng tín dụng số 450/2013/HĐHM/NH-PN/PGBank_ĐT ngày 30/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đồng Tháp với Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong (khoản vay được cơ cấu lại từ ngắn hạn sang dài hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

Gốc vay cơ cấu lại: 164.262.022.000 đồng;

Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định (Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị nhà máy);

Thời hạn của hợp đồng: 8 năm; Theo Nghị quyết HĐQT ngày 12/3/2015 về việc điều chỉnh một số nội dung của Phương án cơ cấu nợ theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐQT-PGB. Ngày 10/10/2014 cho Công ty TNHH Thủy sản Mekong ân hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 theo quý đến hết quý 1/2020 đối với khoản nợ gốc 164.262.022.000 đồng;

Lãi suất cho vay: từ 10,5 %/năm đến 12,5%/năm;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 112.492.092.000 đồng;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: dùng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo.

- (5) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong, PGD Đô Thành với số tiền vay là 870.000.000 đồng. Mục đích là để mua một xe ô tô hiệu FORD TRANSIT DCAR mới 100% phiên bản 2017 để phục vụ mục đích kinh doanh vận tải với lãi suất 8,2%/năm áp dụng trong 18 tháng đầu. Thời hạn cho vay là 60 tháng.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay: 01 xe Forrd Transit Dcar mới 100%, sản xuất lắp ráp tại Việt Nam hình thành từ vốn vay theo HĐMB số 212/SGP -HL giữa Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long và CTCP Sài Gòn Phụ Tùng OTO ngày 20/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(105.533.608.893)	367.199.984.183
- Lãi trong năm				140.982.813.349	140.982.813.349
- Giảm khác				(808.381.833)	(808.381.833)
Tại 31/12/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	34.640.822.623	507.374.415.699
Tại 01/01/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	34.640.822.623	507.374.415.699
- Lãi trong năm	-	-	-	126.056.072.373	126.056.072.373
- Chia cổ tức	-	-	-	(2.700.000)	(2.700.000)
- Giảm do sáp nhập	-	-	-	(3.095.287)	(3.095.287)
Tại 31/12/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	160.691.099.709	633.424.692.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Chủ sở hữu</i>	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Bà Lê Ngọc Ánh	34,7%	154.176.750.000	34,7%	154.176.750.000
Ông Phạm Phúc Toại	25,1%	111.331.970.000	25,1%	111.331.970.000
Ông Lê Tuấn Kiệt	6,8%	30.017.500.000	6,8%	30.017.500.000
Cổ phiếu quỹ	0,3%	1.500.000.000	0,3%	1.500.000.000
Các cổ đông khác	33,1%	146.727.630.000	33,1%	146.727.630.000
Cộng	100%	443.753.850.000	100%	443.753.850.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	443.753.850.000	443.753.850.000
- Vốn góp cuối năm	443.753.850.000	443.753.850.000

d. Cổ phiếu

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
+ Cổ phiếu phổ thông	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	150.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
+ Cổ phiếu phổ thông	44.225.385	44.225.385
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ công ty

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.479.743.076	36.479.743.076
Cộng	36.479.743.076	36.479.743.076

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu	3.430.528.261.124	3.056.437.425.077
Doanh thu kinh doanh thương mại	689.973.297.190	1.661.500.345.369
Doanh thu kinh doanh bất động sản	330.568.182	62.805.222.404
Doanh thu hoạt động xây lắp	755.789.602	5.771.383.636
Doanh thu cung cấp nước	8.689.144.343	8.692.893.291
Doanh thu hoạt động taxi	26.300.615.818	55.811.501.503
Doanh thu kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	2.695.255.091.943	1.259.435.638.959
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.403.708.536	2.420.439.915
Doanh thu khác	6.820.045.510	-
Cộng	3.430.528.261.124	3.056.437.425.077
Doanh thu với các bên liên quan (xem chi tiết tại mục 42)	2.057.363.915.997	1.911.385.092.797

28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	812.900.000	7.752.321.855
Giảm giá hàng bán	5.002.268.290	446.475.552
Hàng bán bị trả lại	127.736.091	58.050.000
Cộng	5.942.904.381	8.256.847.407

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hoạt động thương mại	612.559.647.143	1.544.566.599.248
Giá vốn hoạt động bất động sản	56.825.508	43.069.186.221
Giá vốn hoạt động xây lắp	572.770.064	5.996.606.206
Giá vốn cung cấp nước	6.132.352.003	5.707.623.424
Giá vốn hoạt động taxi	25.640.536.592	50.572.056.113
Giá vốn kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	2.590.448.407.284	1.151.786.592.290
Giá vốn dịch vụ khác	1.597.226.084	1.347.226.084
Cộng	3.237.007.764.678	2.803.045.889.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.875.948.534	66.728.368.879
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.312.609.538	2.485.791.949
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.613.495.325	1.022.834.018
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	683.019.432	5.956.847
Cộng	54.485.072.829	70.242.951.693

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	63.002.620.794	101.728.768.466
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	595.276.194	1.394.071.350
Lãi ký quỹ tài xế taxi	26.579.925	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.115.609	570.796.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm		6.350.045.437
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.412.318.167	-
Cộng	65.043.910.689	110.043.681.938

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.373.785.098	4.153.743.019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	158.210.972
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.219.600	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.056.539.198	2.401.029.166
Chi phí bằng tiền khác	3.174.730.034	7.067.072.301
Cộng	7.644.273.930	13.780.055.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.866.408	636.666.041
Chi phí nhân viên quản lý	15.207.470.173	16.723.975.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.151.253.997	1.149.521.544
Thuế, phí và lệ phí	170.508.375	208.126.288
Hoàn nhập dự phòng	(2.934.074.983)	461.658.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.588.010.840	2.581.158.859
Chi phí khác bằng tiền	3.522.202.993	4.021.394.182
Cộng	18.984.237.803	25.782.500.939

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	14.591.069	2.491.162.026
Thu nhập từ tiền phạt, tiền bồi thường	167.196.353	221.051.710
Thu nhập khác	401.003.261	501.563.822
Cộng	582.790.683	3.213.777.558

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.880.389.084	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	182.313.391	1.146.383.844
Chi phí khác	1.290.222.266	73.285.235
Cộng	3.352.924.741	1.219.669.079

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	3.251.003.048	3.331.221.718
Cộng	3.251.003.048	3.331.221.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	126.056.072.373	140.982.813.349
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	126.056.072.373	140.982.813.349
Số bình quân gia quyền cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	44.225.385	44.225.385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.850	3.188

38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	126.056.072.373	140.982.813.349
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	126.056.072.373	140.982.813.349
Số bình quân gia quyền cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	44.225.385	44.225.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	2.850	3.188

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.188.798.043.275	1.135.821.642.472
Chi phí nhân công	53.354.141.991	42.101.773.156
Chi phí công cụ, đồ dùng	14.631.756.648	-
Khấu hao tài sản cố định	24.952.459.428	23.310.607.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.498.373.958	35.841.062.582
Chi phí bằng tiền khác	22.210.609.513	10.809.635.022
Cộng	1.333.445.384.813	1.247.884.720.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.582.978.879	5.224.494.878
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.466.250.000	29.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	600.428.420.030	537.212.146.084
Tài sản tài chính khác	514.779.606.040	464.749.670.474
Cộng	1.145.257.254.949	1.036.186.311.436
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	751.941.404.574	854.457.450.368
Phải trả người bán và phải trả khác	300.282.463.719	272.876.004.889
Chi phí phải trả	18.832.518.344	19.110.608.078
Cộng	1.071.056.386.637	1.146.444.063.335
Trạng thái ròng	74.200.868.312	(110.257.751.899)

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.582.978.879	-	2.582.978.879
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.466.250.000	-	27.466.250.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	597.933.875.325	2.494.544.705	600.428.420.030
Tài sản tài chính khác	434.779.606.040	80.000.000.000	514.779.606.040
Cộng	1.062.762.710.244	82.494.544.705	1.145.257.254.949
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.224.494.878	-	5.224.494.878
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	533.647.851.379	3.564.294.705	537.212.146.084
Tài sản tài chính khác	384.749.670.474	80.000.000.000	464.749.670.474
Cộng	952.622.016.731	83.564.294.705	1.036.186.311.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Vay và nợ ngắn hạn	339.105.175.024	412.836.229.550	751.941.404.574
Phải trả người bán và phải trả khác	299.441.134.305	841.329.414	300.282.463.719
Chi phí phải trả	1.600.622.674	17.231.895.670	18.832.518.344
Cộng	640.146.932.003	430.909.454.634	1.071.056.386.637
Tại 01/01/2017			
Vay và nợ ngắn hạn	332.727.867.131	521.729.583.237	854.457.450.368
Phải trả người bán và phải trả khác	271.600.712.905	1.275.291.984	272.876.004.889
Chi phí phải trả	1.878.712.408	17.231.895.670	19.110.608.078
Cộng	606.207.292.444	540.236.770.891	1.146.444.063.335

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động kinh doanh thương mại, chế biến thức ăn thủy sản, cung cấp dịch vụ taxi và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2017	Hoạt động kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản VND	Hoạt động thương mại VND	Kinh doanh taxi VND	Hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần bộ phận	2.690.100.596.653	779.469.687.190	26.673.384.009	19.653.801.633	-	3.515.897.469.485
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	(90.282.890.000)	(374.677.282)	(654.545.460)	-	(91.312.112.742)
Tổng doanh thu thuần	2.690.100.596.653	689.186.797.190	26.298.706.727	18.999.256.173	-	3.424.585.356.743
Chi phí bộ phận	(2.609.268.496.819)	(613.162.388.261)	(31.488.918.448)	(9.716.472.884)	-	(3.263.636.276.412)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	90.278.913.946	-	-	-	90.278.913.946
Giá vốn liên quan đến các bộ phận	(2.590.448.407.284)	(702.842.537.143)	(25.640.536.592)	(8.355.197.606)	-	(3.327.286.678.625)
Chi phí bán hàng	(6.814.713.856)	(179.212.925)	(650.347.149)	-	-	(7.644.273.930)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(12.005.375.679)	(419.552.139)	(5.198.034.707)	(1.361.275.278)	-	(18.984.237.803)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80.832.099.834	76.024.408.929	(5.190.211.721)	9.282.783.289	-	160.949.080.331
Doanh thu tài chính	14.740.515.605	39.741.772.248	968.059	1.816.917	-	54.485.072.829
Chi phí tài chính	(44.560.010.365)	(20.273.036.617)	(3.069.075.555)	-	2.858.211.848	(65.043.910.689)
Thu nhập khác	124.726.020	166.620.474	263.713.572	27.730.617	-	582.790.683
Chi phí khác	-	(1.328.176.062)	(1.995.280.184)	(29.468.495)	-	(3.352.924.741)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	-	-	-	-	(476.678.173)	(476.678.173)
Lợi nhuận trước thuế	51.137.331.094	94.331.588.972	(9.989.885.829)	9.282.862.328	2.381.533.675	147.143.430.240
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.150.596.959)	(100.406.089)	-	-	-	(3.251.003.048)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(17.650.024.774)	-	(186.330.045)	-	(17.836.354.819)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.986.734.135	76.581.158.109	(9.989.885.829)	9.096.532.283	2.381.533.675	126.056.072.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2016	Hoạt động kinh doanh thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản	Hoạt động thương mại	Kinh doanh taxi	Hoạt động khác	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	1.251.623.626.959	1.661.476.269.817	55.801.141.648	79.279.539.246	-	3.048.180.577.670
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	1.251.623.626.959	1.661.476.269.817	55.801.141.648	79.279.539.246	-	3.048.180.577.670
Chi phí bộ phận	(1.173.392.148.085)	(1.550.385.749.182)	(60.463.400.002)	(58.367.148.714)	-	(2.842.608.445.983)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phần	-	-	-	-	-	-
Giá vốn liên quan đến các bộ phận	(1.151.786.592.290)	(1.544.566.599.248)	(50.572.056.113)	(56.120.641.935)	-	(2.803.045.889.586)
Chi phí bán hàng	(11.952.203.657)	(191.725.328)	(1.636.126.473)	-	-	(13.780.055.458)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.653.352.138)	(5.627.424.606)	(8.255.217.416)	(2.246.506.779)	-	(25.782.500.939)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.231.478.874	111.090.520.635	(4.662.258.354)	20.912.390.532	-	205.572.131.687
Doanh thu tài chính	7.916.482.242	25.041.566.975	4.743.303.300	32.541.599.176	-	70.242.951.693
Chi phí tài chính	(45.541.853.376)	(29.440.955.761)	(2.962.340.858)	(32.098.531.943)	-	(110.043.681.938)
Thu nhập khác	500.031.740	264.564.893	2.448.514.175	666.750	-	3.213.777.558
Chi phí khác	-	(1.219.669.079)	-	-	-	(1.219.669.079)
Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	-	-	-	-	(12.508.305)	(12.508.305)
Lợi nhuận trước thuế	41.106.139.480	105.736.027.663	(432.781.737)	21.356.124.515	(12.508.305)	167.753.001.616
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.331.221.718)	-	-	-	-	(3.331.221.718)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(19.590.584.640)	-	(3.848.381.909)	-	(23.438.966.549)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.774.917.762	86.145.443.023	(432.781.737)	17.507.742.606	(12.508.305)	140.982.813.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Hoàng Long
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Mê Kông

Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh
Ông Phạm Phúc Toại
Bà Phạm Huyền Trang

Mối quan hệ

Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt

Công ty cùng người kiểm soát

Công ty cùng người kiểm soát
Chủ tịch HĐQT
Con chủ tịch HĐQT

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch	722.714.677.831	783.770.307.443
Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	175.238.077.181	169.224.033.264
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	547.476.600.650	614.020.391.100
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	-	525.883.079
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.057.363.915.997	1.911.385.092.797
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	605.753.904.340	432.328.873.130
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	111.490.917.205	419.846.306.454
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	681.955.474.762	402.880.917.923
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	658.163.619.690	656.328.995.290
Lãi cho vay	38.996.547.052	34.280.010.627
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	38.996.547.052	33.436.375.173
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long	-	843.635.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp):

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Cho mượn vốn	387.667.881.332	392.163.300.000
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh		25.300.000.000
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại	9.905.011.000	-
Dịch vụ Kim Hoàng Long		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	7.460.000.000
Công Ty TNHH MTV Chế biến Thủy Sản Hoàng Long	334.232.810.332	359.403.300.000
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	43.530.060.000	-
Vay vốn	448.181.489.000	508.206.400.000
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại	448.041.489.000	504.886.400.000
Dịch vụ Kim Hoàng Long		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	140.000.000	3.320.000.000
Ông Phạm Phúc Toại	1.010.002.511	470.000.000

Số dư với các bên liên quan:

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	389.059.554.736	330.018.620.971
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại	69.396.113.582	11.981.382.907
Dịch vụ Kim Hoàng Long		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	230.031.973.919	130.879.937.385
Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	62.677.375.282	156.407.851.964
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	18.097.366.953	21.892.723.715
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	39.376.625.744
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	-	23.457.279.163
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại	-	15.919.346.581
Dịch vụ Kim Hoàng Long		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

42. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp):

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay, cho mượn ngắn hạn	433.172.855.236	382.362.965.926
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	914.750.804	914.750.804
Công Ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	429.634.600.057	382.362.965.926
Cty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	3.538.255.179	-
Phải thu ngắn hạn khác	76.370.066.379	93.225.933.593
Cty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	60.186.683.227	86.921.914.925
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	15.996.136.000	6.304.018.668
Công Ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	187.247.152	-
Phải thu về cho vay dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy sản Hoàng Long	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	69.793.215.517	3.857.848.703
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	65.275.969.424	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	324.093.500	-
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	4.193.152.593	3.857.848.703
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Kim Hoàng Long	-	5.062.400.015
Phải trả khác	6.574.460.705	4.014.645.824
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	1.240.000.000	3.546.110.400
Ông Phạm Phúc Toại	1.010.002.511	-
Bà Lê Thanh Tuyền	4.125.525.684	468.535.424
Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	-

43. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

44. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

45. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

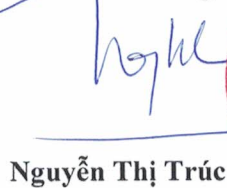
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu


Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám Đốc




Nguyễn Quốc Đạo

